BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 172/2013/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2013*

THÔNG TƯ
Quy định về thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia

Căn cứ Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật dự trữ quốc gia;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về thực hiện thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia giữa các bộ, ngành được Chính phủ phân công quản lý hàng dự trữ quốc gia với các tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thuê bảo quản là việc các bộ, ngành được phân công quản lý hàng dự trữ quốc gia thuê các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

2. Thời gian thuê bảo quản là thời gian được tính từ khi nhập hàng dự trữ quốc gia vào kho đến khi xuất hàng đó ra khỏi kho.

3. Thời gian tính Hợp đồng thuê bảo quản là thời gian từ thời điểm Hợp đồng thuê bảo quản có hiệu lực đến khi thanh lý Hợp đồng.

4. Nhập, xuất luân phiên đổi hàng là việc xuất bán các mặt hàng dự trữ quốc gia có thời hạn bảo quản hoặc hàng giảm chất lượng, hàng không phù hợp với tiến

bộ kỹ thuật cần phải thay đổi danh mục mặt hàng để nhập hàng mới trên cơ sở đảm bảo số lượng và chất lượng hàng dự trữ quốc gia.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp để thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia

1. Tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp để thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia:

Tổ chức, doanh nghiệp được lựa chọn thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia ngoài việc đáp ứng đủ các điều kiện đã được quy định tại Điều 53 Luật Dự trữ quốc gia còn phải đáp ứng được các tiêu chí sau đây:

a) Có địa điểm kho chứa hàng phù hợp với quy hoạch kho chứa hàng dự trữ quốc gia theo các vùng, khu vực chiến lược; đồng thời phải thuận tiện cho công tác bảo quản, nhập, xuất, xuất cấp khi có tình huống xảy ra;

b) Có đủ năng lực, điều kiện để thực hiện công tác xuất luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia;

c) Có đủ phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp, cần thiết phục vụ cho công tác nhập, xuất, bảo quản, an ninh, phòng chống thiên tai, hỏa hoạn và mọi sự xâm hại khác; phù hợp với tính chất lý, hóa của từng loại hàng; phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng, miền và yêu cầu khác của công tác bảo quản.

2. Hình thức và trình tự lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia

a) Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành để lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia;

b) Căn cứ hình thức lựa chọn nhà thầu được áp dụng, Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia tiến hành các trình tự thực hiện tương ứng với hình thức đã lựa chọn theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành để tổ chức lựa chọn nhà thầu thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia;

c) Số lượng tổ chức, doanh nghiệp nhận thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia do Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định trên cơ sở đảm bảo thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao.

Điều 5. Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia

1. Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia được lập thành văn bản và có các nội dung chính sau đây:

a) Căn cứ pháp lý;

b) Chủ thể của Hợp đồng;

c) Danh mục, chủng loại mặt hàng; số lượng; giá trị hàng dự trữ quốc gia thuê bảo quản;

d) Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa; địa điểm để hàng; thời gian bảo quản, thời gian xuất luân phiên đổi hàng và hao hụt trong bảo quản (theo định mức);

đ) Các điều kiện bảo đảm về kho chứa, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý bảo quản;

e) Chi phí thuê bảo quản; hồ sơ và phương thức thanh toán;

g) Trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ của mỗi bên trong việc thực hiện hợp đồng bảo quản;

h) Quy định về kiểm tra, kiểm soát;

i) Giải quyết tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng và một số quy định khác do hai bên thỏa thuận.

2. Căn cứ để ký Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia

a) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giao chỉ tiêu kế hoạch dự trữ quốc gia trong năm kế hoạch; số lượng hàng dự trữ quốc gia tồn kho đầu năm;

b) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước cho bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia;

c) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia (nếu có). Định mức kinh tế - kỹ thuật về nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia (nếu có) hoặc tổng dự toán phí nhập, xuất, bảo quản được phê duyệt;

d) Quyết định của Thủ trưởng bộ, ngành về giao kế hoạch nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia cho đơn vị;

đ) Quyết định phê duyệt kết quả trúng thầu thuê bảo quản của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia;

3. Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia được ký kết giữa Thủ trưởng (hoặc người đại diện hợp pháp) của bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia (gọi tắt là bên A) với người đại diện hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp được lựa chọn thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Thông tư này (gọi tắt là bên B). Thời hạn của Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia do Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định cho phù hợp với thời gian bảo quản của từng mặt hàng. Hàng năm (trước ngày 25/02), hai bên tiến hành rà soát Hợp đồng, trường hợp có phát sinh làm thay đổi nội dung Hợp đồng (tăng, giảm lượng, thay đổi địa điểm bảo quản, Quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia...), hai bên tiến hành ký phụ lục bổ sung của Hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng, tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia được gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) để theo dõi, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện.

4. Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia được lập theo mẫu kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Kinh phí thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia

1. Kinh phí chi cho công tác thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia từ nguồn dự toán kinh phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia (chi sự nghiệp kinh tế) được giao hàng năm của các bộ, ngành.

2. Kinh phí chi cho công tác thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải được quản lý chặt chẽ theo dự toán, theo định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc theo chế độ khoán; sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và phải được hạch toán kế toán theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3. Nguyên tắc chi, nội dung chi, mức chi, cấp kinh phí, hồ sơ cấp kinh phí thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia và khoán chi phí thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn về kế hoạch dự trữ quốc gia và ngân sách nhà nước chi cho dự trữ quốc gia.

Điều 7. Trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp nhận thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia

1. Trực tiếp bảo quản hàng dự trữ quốc gia; hàng dự trữ quốc gia phải được cất giữ riêng, đúng địa điểm quy định; bảo đảm an toàn, đầy đủ về số lượng; đảm bảo chất lượng; sắp xếp, bảo quản theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và Định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia. Thực hiện luân chuyển, hoán đổi, nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đảm bảo đúng chủng loại, số lượng, giá trị, chất lượng theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện kế hoạch nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia kịp thời theo đúng quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Có biện pháp bảo vệ chặt chẽ, an toàn, giữ gìn bí mật hàng dự trữ quốc gia; thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Lập đầy đủ hồ sơ, chứng từ, sổ sách để hạch toán, theo dõi số lượng, chất lượng, giá trị và diễn biến trong quá trình nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia, gồm: sổ kế toán, thẻ kho; sổ kho; sổ theo dõi bồn, bể; phiếu kiểm nghiệm chất lượng, nhật ký bảo quản.

5. Trong quá trình bảo quản hàng dự trữ quốc gia nếu để hàng bị hư hỏng, giảm chất lượng, hao hụt quá định mức do nguyên nhân chủ quan hoặc sử dụng hàng dự trữ quốc gia sai mục đích, phải bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật; trường hợp giảm hao hụt so với định mức thì được trích thưởng theo quy

định của Chính phủ; nếu phát hiện hàng dự trữ quốc gia bị hư hỏng, giảm chất lượng phải có biện pháp phục hồi hoặc kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép xuất bán để tránh thiệt hại.

6. Thực hiện tổng hợp, báo cáo việc nhập, xuất, tồn kho; tình hình thực hiện kinh phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quý và theo năm gửi bộ, ngành thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia trước ngày 10 tháng đầu quý sau (đối với báo cáo quý), trước ngày 15/01 năm sau (đối với báo cáo năm).

Điều 8. Trách nhiệm, nghĩa vụ của bộ, ngành ký Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia

1. Kiểm tra thường xuyên, đột xuất đối với tổ chức, doanh nghiệp ký hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia về số lượng, chất lượng hàng dự trữ quốc gia; về kho chứa hàng; công tác bảo vệ, bảo quản an toàn số lượng, chất lượng hàng; việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Định mức kinh tế - kỹ thuật; việc thực hiện nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia và xuất luân phiên đổi hàng theo quyết định của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia.

2. Tổ chức xét duyệt báo cáo quyết toán kinh phí nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia của tổ chức, doanh nghiệp ký hợp đồng bảo quản và chịu trách nhiệm về quyết toán đã được duyệt; tổng hợp báo cáo quyết toán gửi Bộ Tài chính thẩm định và tổng hợp báo cáo Chính phủ theo quy định.

3. Báo cáo công tác quản lý, bảo quản, sử dụng hàng dự trữ quốc gia và tình hình thực hiện Hợp đồng thuê bảo quản của năm trước gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng đầu quý sau (đối với báo cáo quý), trước ngày 25/01 năm sau (đối với báo cáo năm) đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Xử lý chuyển tiếp

Đối với các tổ chức, doanh nghiệp hiện đang được các bộ, ngành giao bảo quản hàng dự trữ quốc gia, đến thời điểm Thông tư có hiệu lực nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư này thì Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia thực hiện ký hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia. Trường hợp không đủ điều kiện để ký Hợp đồng thuê bảo quản hoặc không có nhu cầu nhận thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia, Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia tiếp tục giao cho các tổ chức, doanh nghiệp này bảo quản hàng dự trữ quốc gia đến hết quý II/2014. Nếu hết quý II/2014, hàng dự trữ quốc gia bảo quản tại đơn vị này chưa xuất hết thực hiện điều chuyển sang tổ chức, doanh nghiệp được lựa chọn thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 01 năm 2014.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia căn cứ quy định tại Thông tư này để tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Chí

Mẫu HĐ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 172/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ BẢO QUẢN HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA
Số: /HĐBQ-DTQG

Căn cứ vào Bộ Luật dân sự và Luật thương mại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực ngày 01/01/2006.

Căn cứ Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 ngày 20/11/2012.

Căn cứ Thông tư số...../2013/TT-BTC ngày..../...../2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

Căn cứ Quyết định số..../...../..... ngày.... tháng... năm.... của Bộ trưởng Bộ..... về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia năm..... cho (đơn vị):.....

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm..... tại....., chúng tôi gồm có:

1. BÊN A (bộ, ngành được phân công quản lý hàng dự trữ quốc gia):

+ Tên cơ quan:.....

+ Địa chỉ:.....

+ Điện thoại:..... - Fax:.....

+ Tài khoản số:.....

+ Mở tại Ngân hàng *(Kho bạc Nhà nước)*:.....

+ Mã số thuế:.....

+ Đại diện là:..... - Chức vụ:.....

Mang giấy ủy quyền (*Nếu ký thay*) số ...../UQ..... ngày..... tháng..... năm.....

Do ông (bà)....., chức vụ ..... đã ký.

2. BÊN B (tổ chức, doanh nghiệp ký hợp đồng bảo quản hàng dự trữ quốc gia):

+ Tên cơ quan (đơn vị):.....

+ Địa chỉ: Số .....

+ Điện thoại:..... - Fax: .....

+ Tài khoản số:.....

+ Mở tại Ngân hàng (Kho bạc Nhà nước): .....

+ Mã số thuế:.....

+ Đại diện là:..... - Chức vụ:.....

Mang giấy ủy quyền (*Nếu ký thay*) số...../UQ..... ngày..... tháng..... năm.....

Do ông (bà):..... Chức vụ..... đã ký.

Hai bên thống nhất thỏa thuận ký hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia, với các điều khoản cụ thể sau;

ĐIỀU 1. Số lượng hàng dự trữ quốc gia thuê bảo quản

Bên A thuê Bên B quản lý, bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo nội dung sau:

STT	Danh mục, chủng loại, mặt hàng	Đơn vị tính	Tồn kho đầu năm kế hoạch	Kế hoạch xuất năm 201....	Kế hoạch nhập năm 201...	Dự kiến số lượng hàng bảo quản trong năm 201...	Ghi chú

Ghi chú:"đối với những hợp đồng có thời gian ký dài hạn, diễn biến quá trình nhập, xuất hàng đưa vào phụ lục Hợp đồng kèm theo"

ĐIỀU 2: Quy cách, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng hàng lưu kho:.....

ĐIỀU 3: Điều kiện về kho chứa, trang thiết bị kỹ thuật bảo quản

.....

ĐIỀU 4: Địa điểm kho, ngăn kho (bồn, bể) bảo quản hàng dự trữ quốc gia:.....

ĐIỀU 5: Thời gian bảo quản và hao hụt trong bảo quản

1) Thời gian bảo quản:.....

2) Hao hụt trong bảo quản: .....

ĐIỀU 6: Chi phí thuê bảo quản, hồ sơ và phương thức thanh toán

1) Chi phí thuê bảo quản: .....

2) Hồ sơ và phương thức thanh toán chi phí bảo quản:.....

ĐIỀU 7: Kiểm tra, kiểm soát thực hiện Hợp đồng thuê bảo quản

Bên B chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Bên A và các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thực hiện Hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật hiện hành

<u>ĐIỀU 8</u>: Trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi bên

1) Trách nhiệm, nghĩa vụ của bên A

.....

2) Trách nhiệm, nghĩa vụ của bên B

.....

<u>ĐIỀU 9</u>: Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng

Trong quá trình thực hiện hai bên chủ động thông báo cho nhau về tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết (*bằng văn bản*). Nếu không giải quyết được thì chuyển vụ việc tới Toà án có thẩm quyền *(do hai bên thỏa thuận)* để phân xử trách nhiệm.

<u>ĐIỀU 10</u>: Cam kết chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã được ghi trong hợp đồng này và thực hiện nghiêm túc các nội dung được quy định trong Luật Dự trữ quốc gia, nghị định của chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dự trữ quốc gia, các văn bản quy phạm pháp luật khác trên tinh thần hợp tác và tôn trọng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày..... tháng..... năm 200.....

Hợp đồng được thành lập thành 05 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện, 02 bộ gửi: Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư mỗi đơn vị 01 bản, 01 bản gửi Tòa án có thẩm quyền *(do hai bên thỏa thuận)*./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**